

Bản án số: **67/2023/KDTM - PT.**

Ngày: 11/4/2023

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tiền gửi*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Ngô Tuyết Băng**

Bà Lê Thúy Linh

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 181/2022/TLPT - KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng tiền gửi

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2022/KDTM-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH quản lý quỹ BV

Trụ sở: Tầng 5, số 8 LTT, phường HT, quận HK, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình A – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH BH và Cộng sự

Địa chỉ liên hệ: Tầng 9, số 92 VTS, phường TN, quận HBT, Hà Nội

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trần Nhật M – Sinh năm 1992

- **Bị đơn:** Công ty tài chính TNHH Một thành viên CNTT

Địa chỉ: Số 120 HT, phường HT, quận HK , Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Hoài Giang – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh T, bà Trần Thị Y và bà Nguyễn Thị Diệu L – Nhân viên Công ty

(Tại phiên tòa có mặt: Ông Nguyễn Trần Nhật M, bà Trần Thị Y, bà Nguyễn Thị Diệu L)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2021 và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH Quản lý quỹ BV do người đại diện trình bày:**

Ngày 12/5/2008 Công ty TNHH Quản lý Quỹ BV (Sau đây gọi tắt là Công ty Quỹ BV hoặc nguyên đơn) và Công ty Tài chính CNTT - nay là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên CNTT (Sau đây gọi tắt là Công ty CNTT hoặc bị đơn) đã ký kết Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 37/2008/NT - HĐUT/BVF (viết tắt là Hợp đồng). Theo đó, nguyên đơn gửi tiền vào tài khoản có kỳ hạn của bị đơn với số tiền là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) thời hạn 36 tháng; lãi suất: 17.5%/năm được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày; lãi suất quá hạn áp dụng với tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn bằng 150% mức 17.5%/năm. Điều 2.1 Hợp đồng quy định bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn thành 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 12/5/2009 là 1.064.583.334 đồng;

Lần 2: Ngày 12/5/2010 là 1.064.583.334 đồng;

Lần 3: Ngày 12/5/2011 là 1.064.583.334 đồng.

Theo quy định tại Điều 2.4 Hợp đồng, đến ngày đáo hạn (ngày 12/5/2011) mà hai bên không có thỏa thuận gia hạn khoản tiền gửi thì bị đơn có trách nhiệm chuyển trả đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh vào tài khoản của nguyên đơn. Trên thực tế, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã hai lần thanh toán khoản tiền lãi trong năm 2009 và 2010 cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đến ngày đáo hạn bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi của lần 3 của năm 2011 là : 1.064.583.334 đồng và tiền gốc 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Ngày 01/6/2018 hai bên đã làm việc ký Biên bản làm việc số 02/BVF-VFC về việc đối chiếu và xác nhận công nợ Hợp đồng. Theo đó, bị đơn xác nhận đến ngày 31/5/2018 còn nợ nguyên đơn 6.000.000.000 đồng tiền gốc. Đối với nợ lãi trong hạn chưa thanh toán lần 3 của năm 2011 là 1.064.583.334 đồng và nợ lãi quá hạn chưa thanh toán 13.274.793.621 đồng, tính đến hết ngày 31/5/2018 bị đơn xin được rà soát và có ý kiến xác nhận sau.

Đến ngày 02/8/2018 bị đơn vẫn xác nhận với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành tại Công văn số 18.788/XN-DVCK về các thông tin của Hợp đồng cũng như số tiền còn nợ nguyên đơn.

Mặc dù trong các năm 2020 và năm 2021, nguyên đơn đã rất nhiều lần gửi văn bản yêu cầu bị đơn đối chiếu công nợ và thanh toán nhưng cho đến nay bị đơn không hợp tác, chưa thanh toán nợ và cũng không phản hồi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, nguyên đơn buộc phải khởi kiện bị đơn ra trước Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

1. Yêu cầu bị đơn thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền gốc theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 37/2008/NT - HĐUT/BVF ngày 12/5/2008 là 6.000.000.000 đồng;

2. Yêu cầu bị đơn thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn lần 3 của năm 2011 chưa trả là 1.064.583.334 đồng;

3. Yêu cầu bị đơn thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn theo quy định tại Điều 1.4 của Hợp đồng, tạm tính đến ngày 21/6/2021 là 20.908.958.986 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Trong đó:

Số tiền tính lãi quá hạn	Thời gian tính lãi quá hạn	Lãi suất tính lãi quá hạn	Số tiền lãi quá hạn
6.000.000.000 đồng	tính từ ngày 12/5/2011 đến ngày 21/6/2022 là: 4.059 ngày	bằng 150% lãi suất trong hạn là: 26,25%/năm	17.758.125.000 đồng
1.064.583.334 đồng			3.150.833.986 đồng
Tổng cộng:			20.908.958.986 đồng

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tạm tính đến thời điểm ngày 21/6/2022 là 27.973.542.320 đồng (có Bảng tính lãi chi tiết đã được nguyên đơn gửi kèm Đơn khởi kiện).

Ngoài các yêu cầu ở trên thì nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) trình bày:**

Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT trực thuộc Tổng công ty CNTT, được thành lập theo Quyết định số 3456/1998/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải và được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động số 04/GP-NHNN ngày 16/3/2000.

Bị đơn xác nhận ngày 12/05/2008 VFC và Công ty TNHH quản lý quỹ BV đã ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 37/2008/NT-HĐUT/BVF với các nội dung chính như sau:

- Số tiền gửi: 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng chẵn). Số tiền này được Công ty TNHH quản lý quỹ BV chuyển vào tài khoản của bị đơn.

- Thời hạn: 36 tháng;

- Lãi suất: 17.5%/năm (được tính trên cơ sở 01 năm là 360 ngày);

- Ngày giá trị: 12/05/2008;

- Ngày đáo hạn: 12/05/2011;

Thanh toán gốc và lãi:

+ Tiền lãi của Hợp đồng này sẽ được trả sau hàng năm và bị đơn có nghĩa vụ chuyển khoản tiền lãi vào tài khoản của nguyên đơn:

Lần 1: Ngày 12/5/2009 là 1.064.583.334 đồng;

Lần 2: Ngày 12/5/2010 là 1.064.583.334 đồng;

Lần 3: Ngày 12/5/2011 là 1.064.583.334 đồng.

+ Vào ngày đáo hạn mà hai bên không có thỏa thuận gia hạn tiếp, bị đơn có trách nhiệm chuyển trả đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh vào tài khoản của nguyên đơn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thực hiện trả lãi lần 1 và lần 2 khoản lãi của năm 2009 và năm 2010 cho nguyên đơn. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn, bị đơn chưa thực hiện chuyển trả tiền gốc và khoản tiền lãi lần 3 của năm 2011 theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 37/2008/NT-HĐUT/BVF cho nguyên đơn.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

Bị đơn xác nhận dư nợ gốc Hợp đồng tiền gửi số 37/2008/NT-HĐUT/BVF ký ngày 12/5/2008 mà bị đơn còn phải trả nguyên đơn là 6.000.000.000 VNĐ (Sáu tỷ đồng chẵn), và khoản tiền lãi lần 3 của năm 2011 là 1.064.583.334 đồng.

Đối với khoản tiền lãi quá hạn, tạm tính đến ngày 21/6/2022 là 17.758.125.000 đồng và khoản tiền lãi quá hạn trên lãi tạm tính đến ngày 21/6/2022 là 3.150.833.986 đồng theo quy định tại khoản 1.4 của Hợp đồng tiền gửi bị đơn không chấp nhận, vì không có căn cứ theo quy định của pháp luật, bị đơn hiểu là lãi chồng lãi theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 “Tòa án không được tính lãi trên khoản lãi chưa trả”. Bị đơn kính đề nghị Quý Tòa căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu ở trên, bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2022/KDTM-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HK đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH quản lý quỹ BV (BVF) đối với bị đơn Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT (VFC), về việc “Tranh chấp Hợp đồng tiền gửi”.

2. Buộc bị đơn Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT (VFC) phải thanh toán trả cho nguyên đơn Công ty TNHH quản lý quỹ BV (BVF) tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/9/2022 là 26.785.773.873 đồng (hai mươi sáu tỷ, bảy trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng), trong đó:

+ Số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 37/2008/NT - HĐUT/BVF ngày 12/5/2008 là: 6.000.000.000 VNĐ (Sáu tỷ đồng chẵn);

+ Số tiền lãi trong hạn lần 3 của năm 2011 là: 1.064.583.334 đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là: 18.108.125.000 đồng.

+ Số tiền lãi trên nợ lãi là: 1.613.065.539 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 22/9/2022 bị đơn là Công ty tài chính TNHH Một thành viên CNTT kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về

khoản tiền lãi tính trên lãi quá hạn của hợp đồng tiền gửi và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận số tiền lãi được tính trên lãi của hợp đồng tiền gửi được ký giữa hai bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đã được Tòa án tạo điều kiện để thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thỏa thuận được. Các bên cũng không xuất trình thêm tài liệu gì mới.

-Bị đơn là Công ty tài chính CNTT trình bày: Bị đơn giữ nguyên kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận HK . Theo quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi thì yêu cầu về lãi trên lãi của nguyên đơn là không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

-Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ quan điểm và đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận HK .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và kháng cáo của các đương sự phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo: Hợp đồng tiền gửi được ký kết giữa các bên là tự nguyện, đúng thẩm quyền, được các bên thừa nhận nên phát sinh hiệu lực. Áp dụng khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn là Công ty tài chính TNHH MTV CNTT là trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tiền gửi. Bị đơn là Công ty tài chính TNHH MTV CNTT có trụ sở tại : Số 120 Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận HK , thành phố Hà

Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận HK thụ lý và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo gửi Tòa án, bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận số tiền lãi được tính trên lãi quá hạn của Hợp đồng tiền gửi được ký giữa hai bên.

Xem xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Ngày 12/5/2008, nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 37/2008/NT-HĐUT/BVF với các nội dung cơ bản: nguyên đơn gửi tiền vào tài khoản có kỳ hạn của bị đơn với số tiền là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) thời hạn 36 tháng; lãi suất: 17.5%/năm; lãi suất quá hạn áp dụng với tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn bằng 150% mức 17.5%/năm.

Ngoài ra, hợp đồng cũng quy định bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 12/5/2009 là 1.064.583.334 đồng;

Lần 2: Ngày 12/5/2010 là 1.064.583.334 đồng;

Lần 3: Ngày 12/5/2011 là 1.064.583.334 đồng.

Thấy rằng, hợp đồng giữa các bên được ký kết đúng thẩm quyền, tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật và đều được các bên thừa nhận nên phát sinh hiệu lực.

Về việc thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện gửi bị đơn 6.000.000.000 đồng theo cam kết. Tuy nhiên, đến thời điểm đáo hạn hợp đồng (12/5/2011) bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi lần thanh toán thứ 5 và số tiền gốc 6.000.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 01/6/2018, nguyên đơn và bị đơn đã ký đối chiếu và bị đơn xác nhận đến ngày 31/5/2018 bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc là 6.000.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn chưa thanh toán lần 3 của năm 2011 là 1.064.583.334 đồng. Tại lời khai của Tòa án, bị đơn cũng xác nhận số tiền còn nợ của nguyên đơn như đã nêu trên. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 6.000.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn chưa thanh toán lần 3 của năm 2011 là 1.064.583.334 đồng là có căn cứ.

Về nợ lãi : Ngày 12/5/2008 các bên ký kết hợp đồng tiền gửi, do vậy áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để có căn cứ xem xét yêu cầu về lãi của nguyên đơn.

Theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay là phải trả lãi nếu các bên có thỏa thuận. Theo đó, tại hợp đồng tiền gửi các bên có thỏa thuận về thời hạn của hợp đồng là 36 tháng với lãi suất là 17,5%/năm (một năm là 360 ngày). Lãi suất áp dụng với phần gốc và lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nếu chậm trả (gốc, lãi) thì bị đơn sẽ phải chịu lãi suất quy định tại điều 1.4 của hợp đồng (150%) đối với phần gốc và lãi quá hạn.

Thấy rằng, thỏa thuận này của các bên là không trái quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về lãi quá hạn của nợ gốc chưa thanh toán với số tiền là 18.108.125.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lãi trên nợ lãi chưa thanh toán lần 3, thấy:

Bộ luật dân sự 2005 chưa quy định về nghĩa vụ của bên vay về việc phải trả lãi trên nợ lãi. Ngày 11/01/2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo đó, điều 4 của Nghị quyết đã hướng dẫn về: Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 với nội dung:

“Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

.....

Khi xác định lãi, lãi suất theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Tòa án không được tính lãi trên nợ lãi chưa trả”

Như vậy, tại điều 4 của Nghị quyết 01/2019 đã viện dẫn đến cả Điều 2 của Nghị quyết và xác định: Tòa án không được tính lãi trên nợ lãi chưa trả

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại chỉ viện dẫn điều 2 của Nghị quyết 01/2019 để cho rằng hợp đồng tiền gửi vẫn đang thực hiện để chấp nhận một phần yêu cầu nợ lãi trên lãi của nguyên đơn là chưa chính xác nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về nợ lãi trên lãi.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu về lãi không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ các điều: 471, 474 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ các điều: 147, khoản 1 điều 148, điểm a khoản 1 điều 289, khoản 2 điều 308, điều 313, 349, Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của Công ty tài chính TNHH MTV CNTT , sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2022/KDTM-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HK .

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Quản lý quỹ BV đối với Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT về việc “Tranh chấp hợp đồng tiền gửi”

2. Buộc Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT phải thanh toán cho Công ty TNHH Quản lý quỹ BV tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2022) với tổng số tiền là: 25.172.708.334 đồng (Hai mươi lăm tỷ một trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi tư đồng). Trong đó:

+ Số tiền nợ gốc: 6.000.000.000 đồng (theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 37/2008/NT - HĐUT/BVF ngày 12/5/2008)

+ Số tiền lãi trong hạn lần 3 của năm 2011 là: 1.064.583.334 đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là: 18.108.125.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Quản lý quỹ BV đối với yêu cầu buộc Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT phải thanh toán tiền lãi của khoản tiền 1.064.583.334 đồng

4. Về án phí: Công ty Tài chính TNHH MTV CNTT phải chịu 133.172.708 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án

phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 51867 ngày 26/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận HK , thành phố Hà Nội

Công ty TNHH Quản lý quỹ BV phải chịu 60.390.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được trừ vào 67.070.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 51343 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận HK . Trả lại Công ty TNHH Quản lý quỹ BV 6.680.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 11/4/2023.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. HK ;
- Chi cục THADS Q. HK ;
- Dương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Thành